

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng
Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;*

*Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi
trường không khí giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 –
2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của
Bộ Tài nguyên và môi trường về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng Kế hoạch quản lý
chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
677/TTr-TNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2030 (Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KTTH, NC-KSTTHC, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

KẾ HOẠCH

Quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023- 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí tỉnh Bắc Giang

Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có sự khác biệt giữa các vùng miền và biến động theo mùa nhưng nhìn chung đang còn ở mức ổn định. Một vài thời điểm tại một số vị trí, chất lượng không khí có dấu hiệu suy giảm, gia tăng ô nhiễm trong các năm gần đây, tập trung tại một số khu vực như sau:

- Khu vực đô thị: Chất lượng không khí khu vực đô thị của tỉnh có sự khác nhau giữa khu vực phía Đông và phía Tây. Do đặc thù của điều kiện tự nhiên và địa hình nên mạng lưới đô thị của tỉnh tập trung phần lớn ở khu vực phía Tây, vùng này gồm TP. Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Thế. Vùng phía Đông bao gồm Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam có địa hình phức tạp, nhiều vùng bị chia cắt bởi sông và núi cao nên hệ thống giao thông kém phát triển, số lượng đô thị ít. Theo đó chất lượng không khí các khu vực đô thị ở phía Đông đang ở mức khá tốt, tuy nhiên tại phía Tây bao gồm đô thị loại II (TP Bắc Giang), loại IV (thị trấn Thắng) và loại V (TT Bích Động, TT Nénh) có nguy cơ ô nhiễm bụi và tiếng ồn. Hàm lượng bụi TSP và bụi PM10 tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN nhưng cục bộ một số vị trí quan trắc có dấu hiệu gia tăng từ đầu năm 2023; tiếng ồn tại nhiều khu vực đã vượt QCVN từ 1,01 – 1,14 lần.

- Khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Chất lượng không khí tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hàm lượng bụi TSP, bụi PM10 và tiếng ồn tương đối cao. Một số khu vực có thời điểm, hàm lượng TSP trung bình 1 giờ vượt QCVN; hàm lượng bụi PM10 dao động từ 103,33 - 135 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; tiếng ồn cũng ghi nhận ở mức xấp xỉ hoặc vượt QCVN từ 1,01 - 1,14 lần.

- Khu vực làng nghề: Chất lượng không khí tại khu vực làng nghề hiện nay chưa bị ô nhiễm bởi các chất độc hại; tuy nhiên tại một số khu vực quan trắc ghi nhận hàm lượng bụi và một số chất độc hại có dấu hiệu tăng trở lại; tiếng ồn đo đạc được cũng ở mức khá cao, một số vị trí tiếng ồn vượt QCVN từ 1,002 - 1,146 lần.

- Chất lượng không khí giao thông: Mật độ giao thông ngày càng đông đúc làm gia tăng bụi TSP, PM10 tại các nút giao thông, cùng với đó là dấu hiệu ô nhiễm tiếng ồn cục bộ. Một số vị trí gần đường quốc lộ và đường liên tỉnh hàm

lượng bụi TSP trung bình đo trong 1 giờ ở mức khá cao dao động từ 249-273 $\mu\text{g}/\text{m}^3$; hàm lượng bụi PM10 năm 2023 có dấu hiệu tăng; tiếng ồn vượt QCVN từ 1,01-1,05 lần.

- Khu vực nông thôn: Chất lượng không khí khu vực nông thôn cơ bản đang ở mức tốt tuy nhiên tại một số khu vực nông thôn chịu tác động từ hoạt động chăn nuôi tập trung; chôn lấp rác thải; sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản thường có chất lượng không khí kém hơn các khu vực khác.

Nhìn chung, giai đoạn 2019 - 2023 chất lượng môi trường không khí tỉnh Bắc Giang có xu hướng biến động giảm dần trong giai đoạn 2019 - 2020, tăng trở lại trong giai đoạn 2021 - 2022 và có dấu hiệu giảm nhẹ từ giữa năm 2023.

2. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh thời gian qua

2.1. Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

2.1.1. Công tác xây dựng thể chế, chính sách và các giải pháp quản lý chất lượng không khí tại địa phương

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản

Thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2014 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật, tỉnh Bắc Giang đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất lượng môi trường không khí nói riêng, như: Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 01/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 09/10/2019 thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường,... Ngày 17/02/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đặc biệt, ngay sau khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh (theo điểm a, khoản 3, Điều 14 Luật Bảo vệ môi trường).

b) Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục về bảo vệ môi trường luôn được quan tâm hàng đầu với nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, nội dung phong phú. Công tác tuyên truyền được giao cho Sở Tài nguyên

và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang, Báo Văn hoá và Đời sống, Báo Lao động và Xã hội và các Sở, ban, ngành, đoàn thể thực hiện nhiều giải pháp tuyên truyền mạnh mẽ các quy định pháp luật, chủ trương, cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường; tổ chức các buổi lễ mít tinh hưởng ứng Ngày nước thế giới (22/3), ngày Khí tượng thế giới (23/3), Ngày môi trường thế giới (5/6); Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn (tháng 9), Chương trình Giờ trái đất. Các đoàn thể, chính quyền tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025”; tổ chức tập huấn, hướng dẫn thu gom, phân loại rác tại nguồn, đổ rác đúng quy định cho cán bộ, hội viên phụ nữ; tổ chức ra quân vệ sinh môi trường; xây dựng lò đốt rác, bể chứa, hố chôn lấp rác tự hủy; tặng xô, thùng và túi đựng rác tự hủy cho hội viên phụ nữ để thực hiện phân loại rác tại nhà... Đến nay, công tác tuyên truyền đã thu được nhiều kết quả tích cực góp phần nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác kiểm soát các nguồn thải

- Kiểm soát khí thải nguồn điểm: Tỉnh Bắc Giang kiên quyết không đồng ý chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có công nghệ sản xuất lạc hậu, phát sinh nguồn khí thải lưu lượng lớn (nhiệt điện, xi măng, hóa chất,...); 100% các dự án đầu tư sử dụng công nghệ có nguy cơ tác động xấu đến môi trường đều được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định theo quy định. Qua công tác thanh tra, kiểm tra và tuyên truyền, việc đầu tư đổi mới công nghệ xử lý khí thải công nghiệp cũng đã được các cơ sở quan tâm thực hiện; cơ bản xóa bỏ các lò gạch thủ công, thủ công cải tiến.

Đối với rác thải thông thường: Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các địa phương, chủ đầu tư trong quá trình triển khai xây dựng, lắp đặt các lò đốt rác và nhà máy xử lý rác thải tập trung trên địa bàn tỉnh theo tiến độ đề ra; Chủ động, phối hợp, hướng dẫn các địa phương, chủ đầu tư và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thu gom, xử lý rác thải và các nội dung có liên quan thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế: Các chủ nguồn thải đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định, đạt 90%. So với giai đoạn trước, hoạt động thu gom, xử lý chất thải y tế nguy hại đã tăng đáng kể. Công tác thu gom, xử lý chất thải y tế được quan tâm thực hiện, các bệnh viện đã có kho, nhà lưu giữ chất thải y tế, chất thải nguy hại và lây nhiễm và thuê đơn vị có đủ năng lực tư cách pháp nhân để xử lý theo đúng quy định.

Công tác kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất trên địa bàn có nguồn phát sinh khí thải được Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh và cấp huyện thực hiện định kỳ. Bắt buộc các cơ sở thuộc đối tượng phải có công trình xử lý khí thải; yêu cầu cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động đối với khí thải, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi; khuyến khích đổi mới công

nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng nhiên liệu sinh học thay thế.

- Kiểm soát khí thải nguồn di động: Sở Giao thông vận tải đã quan tâm sát sao chỉ đạo các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm công tác kiểm định, tổ chức tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải. Những năm gần đây, trung tâm đã thực hiện rà soát, thống kê, lập danh sách các phương tiện xe cơ giới hết niên hạn sử dụng do đơn vị quản lý. Các Trung tâm đăng kiểm cương quyết từ chối kiểm định đối với ô tô tải có kích thước thùng vượt quá quy định, xe hết niên hạn sử dụng và đặc biệt quan tâm đến các phương tiện không đạt chuẩn về khí xả.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tổ chức triển khai các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sản xuất, kinh doanh xăng sinh học, lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu; quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu. Đến nay, lộ trình phân phối nhiên liệu sinh học cơ bản đã được thực hiện theo đúng kế hoạch đặt ra.

- Kiểm soát khí thải nguồn diện: Công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với nguồn diện trên địa bàn tỉnh tập trung vào các giải pháp kiểm soát nguồn phát sinh khí thải do chăn nuôi, xử lý sinh khối nông nghiệp, bãi chôn lấp CTR và xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đối với chăn nuôi: UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi. Tăng cường rà soát, nâng cao hiệu quả quản lý các cơ sở, trang trại chăn nuôi tập trung trên địa bàn kết hợp với đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức của người chăn nuôi. Các sở, ban ngành liên quan phối hợp tập trung nghiên cứu, tham mưu xây dựng các chính sách, quy định phù hợp; phối hợp với các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện quy hoạch chăn nuôi theo quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, tăng cường thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ sản xuất xanh, sạch và thân thiện với môi trường; không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Đối với công tác xử lý sinh khối nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động xây dựng tài liệu hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng; hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng theo quy định, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Đối với hoạt động của các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt: Thực hiện hiệu quả công tác thẩm định, phê duyệt thủ tục môi trường theo đúng quy định đối với các cơ sở xử lý CTR sinh hoạt tập trung; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, không phát sinh cơ sở mới. Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu thu gom, xử lý CTR sinh hoạt cho các huyện; phối hợp với các sở, ngành liên quan tiến hành kiểm tra, rà soát tình hình thực hiện các dự án đầu tư xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; yêu cầu các đơn vị vận hành khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh thực hiện đầy

đủ, nghiêm túc quy trình xử lý CTR và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động. Tỉnh đã xây dựng các cơ chế, chính sách, lộ trình phù hợp Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 về việc Phê duyệt đề án Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Bổ sung Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý rác thải ra môi trường,... với mục tiêu từng bước áp dụng các công nghệ hiện đại trong xử lý CTR, đảm bảo các loại CTR phải được phân loại tại nguồn giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đối với hoạt động xây dựng cơ bản, trong những năm qua, công tác khuyến khích, đẩy mạnh phát triển sản xuất vật liệu xây dựng không nung đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả tích cực. Ngoài việc khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường phục vụ cho hoạt động xây dựng, hàng năm các đơn vị quản lý nhà nước lĩnh vực xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra về hoạt động xây dựng; theo đó, đôn đốc nhắc nhở các chủ đầu tư, đơn vị thi công xây dựng thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động phá dỡ và thi công công trình; xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị thi công không có biện pháp đảm bảo an toàn và biện pháp che chắn bụi.

2.1.2. Hiệu quả của các giải pháp quản lý chất lượng không khí đang được triển khai

- Việc đầu tư đổi mới công nghệ xử lý khí thải công nghiệp đã được các cơ sở quan tâm thực hiện; đặc biệt là tại các nhà máy sản xuất thép, sản xuất gạch trên địa bàn tỉnh. Đối với các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, các địa phương đã dừng hoàn toàn việc đốt gạch thủ công, phá dỡ trên 2.000 vò lò, trong đó huyện Tân Yên tháo dỡ 507 lò (đạt 100% số lò trên địa bàn), đến nay cơ bản đã xóa bỏ 100% lò gạch thủ công trên địa bàn tỉnh; đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế tại hầu hết các cơ sở đều thuê đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân để xử lý theo đúng quy định.

- Tại một số cơ sở, doanh nghiệp đã chủ động thay đổi toàn bộ hệ thống chiếu sáng như: Lắp cửa chiếu sáng, thay bóng đèn huỳnh quang bằng đèn led, thay thế mô tơ cơ bằng điện tử, ngoài ra còn lắp đặt thêm hệ thống điện năng lượng mặt trời,... qua đó đảm bảo việc giảm thiểu sử dụng điện, giảm được đến 40% công suất sử dụng điện.

- Tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt báo cáo ĐTM, báo cáo đề xuất cấp GPMT, kế hoạch BVMT cho hơn 40 dự án liên quan đến xử lý CTR. Toàn tỉnh hiện có 64 cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong đó có 03 bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt, một số khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung lớn của tỉnh như: Khu xử lý rác thải tập trung thị trấn Nham Biền hoạt động từ tháng 10/2021 xử lý cho 14 xã, thị trấn; nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) bằng công nghệ TTD-01 tại khu Dọc Tranh, thôn Cai Lẻ, xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn

hoạt động từ tháng 7/2022, hiện nay đang xử lý khoảng 50-60 tấn/ngày, khu xử lý rác thải tập trung tại thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, xử lý rác thải cho 16/18 xã thị trấn. Đồng thời, trên địa bàn tỉnh có 01 nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp, nguy hại tại thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng với công suất 142.000 tấn/năm; một số doanh nghiệp thực hiện tái chế phế liệu, chất thải (cơ sở tái chế thép, sản xuất bao bì nhựa, sản xuất giấy, sản xuất gạch không nung,...).

- Hiện có 10 cơ sở thuộc đối tượng đã lắp đặt trạm quan trắc tự động liên tục đối với khí thải với 30 trạm đang hoạt động. Tỉnh Bắc Giang đã lắp đặt hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động và hiện nay đang triển khai lắp đặt 02 trạm quan trắc không khí tự động tại thành phố Bắc Giang; Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 01 trạm quan trắc không khí tự động tại thành phố Bắc Giang; thành phố Bắc Giang đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 03 trạm quan trắc không khí tự động. Hoạt động của hệ thống quan trắc tự động đã đem hiệu quả thiết thực, chất lượng môi trường được cảnh báo kịp thời, qua đó các cấp chính quyền có những giải pháp để cảnh báo đến cộng đồng nhằm giảm thiểu những tác động ảnh hưởng do biến động của môi trường. Ý thức của doanh nghiệp ngày càng được nâng cao, việc giám sát các nguồn thải lớn được thực hiện chặt chẽ.

- Việc sử dụng phương tiện giao thông công cộng ngày càng được người dân quan tâm hơn, có 13 đơn vị với 300 xe thực hiện khai thác 97 trong tổng số 159 tuyến, 62 tuyến còn lại do các đơn vị tỉnh ngoài độc lập khai thác; vận tải khách bằng xe buýt có 06 đơn vị thực hiện khai thác 10 tuyến (trong đó có 05 tuyến nội tỉnh, 05 tuyến liên kê).

- Tỷ lệ chăn nuôi trang trại, gia trại và an toàn sinh học theo hướng VietGAP trong chăn nuôi tiếp tục tăng dần và phát huy được lợi thế. 100% các dự án có quy mô lớn đã có báo cáo ĐTM được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người chăn nuôi được hỗ trợ xây dựng công trình biogas, đệm lót sinh học. Bên cạnh đó, giảm thiểu đáng kể tình trạng người dân đốt, tiêu huỷ phụ phẩm cây trồng ngay tại ruộng, phụ phẩm được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất nấm, làm nguyên liệu phân hữu cơ, làm nguồn phân hữu cơ cho đất phục vụ sản xuất cho vụ sau, phục vụ chăn nuôi gia súc (lá ngô, rơm, rạ,...)

- Hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng, giao thông, dân sinh được các sở, ngành giám sát chặt chẽ, đặc biệt là giảm thiểu bụi, khí thải; xử lý vi phạm với các hành vi xây dựng mà không có che chắn bụi, che chắn công trình, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải.

- Công tác trồng cây xanh góp phần hạn chế khí thải nhà kính đã và đang được nhiều địa phương quan tâm thực hiện; mục tiêu cụ thể hoá chủ trương trồng 1 tỷ cây xanh, giai đoạn 2021-2025.

2.1.3. Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng không khí

- Hệ thống pháp luật về BVMT còn nhiều tồn tại, bất cập, nhiều quy định

còn chung chung; chưa tạo ra hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để khuyến khích phát triển ngành công nghiệp, dịch vụ môi trường và sản phẩm thân thiện với môi trường; thiếu các cơ chế về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra, giải quyết tranh chấp, xung đột về môi trường đặc biệt là ô nhiễm mang tính chất liên vùng về không khí; chưa có cơ chế phối hợp trong công tác quản lý khí thải của các ban, ngành; chưa triển khai việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, trao đổi hạn ngạch khí thải công nghiệp. Trên địa bàn tỉnh vẫn chưa có văn bản cụ thể riêng biệt về quản lý môi trường không khí, khí thải. Quá trình triển khai các văn bản quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với không khí và khí thải gặp không ít bất cập do khác biệt về đặc thù địa hình, sức chịu tải về môi trường của tỉnh.

- Vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn còn diễn ra: Một số đơn vị còn để xảy ra tồn tại trong quá trình hoạt động và đã bị xử lý, các hành vi vi phạm về: không vận hành thường xuyên công trình xử lý khí thải, xử lý chất thải nguy hại không đúng quy định, xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn cho phép, thực hiện không đầy đủ chương trình giám sát, báo cáo môi trường định kỳ. Ngoài ra có tình trạng tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh thực hiện vận chuyển chất thải từ tỉnh khác về đổ trộm trên địa bàn, đốt chất thải không đúng quy định.

- Tình trạng ô nhiễm bụi tại khu đô thị, khu công nghiệp đang có dấu hiệu gia tăng cục bộ: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ trong những năm gần đây cho thấy, nồng độ bụi lơ lửng và bụi PM10 gia tăng tại một số khu vực đô thị đặc biệt là các nút giao thông chính trên địa bàn thành phố Bắc Giang và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chất lượng không khí tại một số KCN trọng điểm (KCN Quang Châu, KCN Vân Trung, KCN Đình Trám, KCN Song Khê - Nội Hoàng) theo kết quả quan trắc định kỳ hàng năm có dấu hiệu gia tăng ô nhiễm.

- Nguồn lực đầu tư cho các hoạt động kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do khí thải còn hạn chế: Quá trình thực hiện kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh tỉnh vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn như về công nghệ, nhân lực và vấn đề kiểm soát thiệt hại do thời tiết cực đoan, dẫn đến nhiều tiêu chí, chương trình chưa được thực hiện đúng tiến độ. Đã có nhiều hoạt động quản lý nhằm nâng cao tính kiểm soát đối với các nguồn thải tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa rõ ràng tích cực và gặp nhiều rào cản do ý thức của người dân, doanh nghiệp; do thiếu các nguồn lực đầu tư. Chi thường xuyên cho sự nghiệp môi trường hằng năm của tỉnh có tăng dần, tuy nhiên, do nguồn ngân sách của tỉnh Bắc Giang còn hạn hẹp trong khi vẫn còn nhiều dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải tập trung chưa được bố trí nguồn vốn để triển khai.

- Nhân lực cho công tác bảo vệ môi trường: Hệ thống quản lý nhà nước về môi trường ở địa phương chưa hoàn thiện, thiếu cán bộ môi trường cấp cơ sở, phần lớn công tác môi trường cấp xã do cán bộ địa chính kiêm nhiệm, thiếu kiến thức về chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý nhà nước về môi trường.

- Sự phối hợp giữa các cấp chính quyền trong công tác bảo vệ môi trường: Sự phối hợp của một số đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở cấp

huyện, xã chưa đi vào chiều sâu, chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ theo phân cấp của Luật Bảo vệ Môi trường; một số thời điểm công tác quản lý môi trường địa phương còn lúng túng, bị động; Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, HĐND, UBND của một số đơn vị cấp huyện và xã chưa thực sự được chú trọng, chưa xây dựng được các Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo chuyên sâu về công tác bảo vệ môi trường không khí, chưa cụ thể hóa việc triển khai thực hiện các mô hình, phong trào bảo vệ môi trường theo chỉ đạo của tỉnh.

- Ô nhiễm nguồn diện có nguy cơ gia tăng mạnh trong thời gian tới: Bên cạnh vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông, sản xuất thì ô nhiễm nguồn diện đang có chiều hướng gia tăng. Với việc tiếp nhận các dự án chăn nuôi có quy mô lớn như hiện nay trên địa bàn tỉnh, nếu không có giải pháp kiểm soát phù hợp sẽ là nguồn gây ô nhiễm không khí không hề nhỏ; bên cạnh lợi nhuận về mặt kinh tế mang lại thì lượng khí thải nhà kính sẽ phát sinh với khối lượng lớn khó kiểm soát.

- Ô nhiễm do chịu tác động từ nguồn ô nhiễm các tỉnh giáp ranh như: Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, tỉnh Hải Dương; khu xử lý rác thải xã Phù Lãng, huyện Qué Võ và làng nghề giấy Phong Khê, tỉnh Bắc Ninh,...

- Sự tham gia của cộng đồng với bảo vệ môi trường còn hạn chế: Tỷ lệ sử dụng phương tiện công cộng trong dân còn khá thấp trong khi các phương tiện cá nhân ngày càng gia tăng nhất là xe ô tô. Việc sử dụng vật liệu xây dựng là gạch không nung cho xây dựng nhà ở trong dân cư còn hạn chế do tâm lý của người dân chưa tin tưởng và chất lượng sản phẩm.

2.1.4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nhận thức, ý thức trách nhiệm của tổ chức cá nhân còn hạn chế: Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tốt trong công tác tuyên truyền nhưng ý thức về bảo vệ môi trường vẫn chưa thành thói quen, nếp sống của nhân dân. Thái độ, hành vi, lối sống, thói quen tiêu dùng thiếu thân thiện với môi trường còn phổ biến ở nhiều nơi. Một số doanh nghiệp, cơ sở và cộng đồng dân cư còn thiếu kiến thức và hiểu biết trong việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Một số địa bàn khó áp dụng các giải pháp quản lý hoặc kỹ thuật do cơ sở vật chất, hạ tầng, ý thức của người dân, đặc biệt các huyện miền núi.

- Cơ sở dữ liệu, hạ tầng về quan trắc tự động còn yếu: Hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác quản lý chất lượng môi trường không khí, quản lý môi trường, thiên tai và biến đổi khí hậu còn hạn chế, chưa được đồng bộ nên việc khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu còn hạn chế. Hạ tầng về quan trắc tự động, liên tục của tỉnh đã được đầu tư, đồng bộ tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được với nhu cầu thực tiễn.

- Công tác giám sát, kiểm tra vi phạm chưa được thực hiện thường xuyên, gây khó khăn trong công tác xác định mức độ ô nhiễm môi trường không khí để xử lý triệt để đối với các hành vi vi phạm; công tác thanh tra xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại tố cáo về chất lượng môi trường không khí làm chưa kịp thời, xử lý chưa đủ sức răn đe; lực lượng thanh tra, kiểm tra giám sát còn mỏng, thiếu

trang thiết bị, công cụ hỗ trợ,...

- Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng phương tiện giao thông vẫn chỉ tập trung chủ yếu cho các phương tiện giao thông mới đưa vào lưu hành, các phương tiện cũ và đã quá niên hạn sử dụng chưa sát sao và có giải pháp xử lý, ngăn chặn.

- Việc giám sát thực thi các quy định định trong xây dựng, vận chuyển vật liệu xây dựng chưa chặt chẽ, vẫn tồn tại tình trạng ô nhiễm bụi xung quanh các công trường xây dựng và trên các tuyến đường đô thị, đặc biệt vào những ngày nắng.

- Kiểm soát nguồn thải chưa hiệu quả:

+ *Đối với nguồn điểm*: Hiện nay tỉnh Bắc Giang vẫn chưa có quy chuẩn địa phương riêng cho khí thải phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Hiệu suất hệ thống xử lý khí thải tại nhiều cơ sở còn thấp, công nghệ lạc hậu đặc biệt tại các lò đốt CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

+ *Đối với nguồn di động*: Tại các khu vực đô thị lưu lượng phương tiện giao thông ngày càng tăng cao, đặc biệt là các phương tiện cá nhân, nhưng hiện nay vẫn chưa có các giải pháp hiệu quả để không chế ô nhiễm do khí thải giao thông. Trên địa bàn tỉnh vẫn tồn tại tình trạng lưu hành các xe tự ý cải tạo kết cấu, công nghệ lạc hậu, thiếu các hệ thống kiểm soát, xử lý khí thải do ý thức của người tham gia giao thông còn kém. Tại các khu vực miền núi, phát triển hạ tầng giao thông gặp nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động giao thông vận tải chưa phát triển đồng bộ, hệ thống bến xe khách, bãi đỗ xe chưa đáp ứng được các yêu cầu theo quy định cũng như nhu cầu phát triển dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông đang có xu hướng xảy ra vào những giờ cao điểm, mùa vụ. Việc phát triển phương tiện giao thông điện thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh đang gặp nhiều rào cản, hạn chế do thiếu cơ sở hạ tầng điện sạc, thiếu dịch vụ cũng như các chính sách ưu đãi, trợ giá và khích lệ.

+ *Đối với nguồn diện*: Hầu hết các bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh chưa đầu tư đồng bộ các công trình thu gom, xử lý nước rỉ rác hoặc vận hành không đúng quy trình kỹ thuật, nhiều bãi chôn lấp hiện tại đã quá tải, không còn khả năng chôn lấp hoặc đã xuống cấp; Đối với chăn nuôi, hiện nay chưa có công nghệ xử lý phù hợp để giảm phát sinh mùi hôi cũng như xử lý triệt để khí thải từ chất thải của vật nuôi; Phụ phẩm và sinh khối nông nghiệp xử lý chưa triệt để; vẫn còn tình trạng đốt rơm rạ và bao bì thuốc BVTV ngoài đồng ruộng. Mặc dù tiềm năng sinh khối nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất lớn nhưng hiện nay vẫn chưa có dự án sử dụng nguồn tài nguyên này.

- Một số nguyên nhân khác: Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, thương mại. Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách thắt chặt đầu tư công, ảnh hưởng đến nhiều chương trình, dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông từ nguồn vốn ngân sách Trung ương; Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 nên việc triển khai tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật mới về BVMT của cơ quan quản lý cũng gặp nhiều khó khăn. Do đó, các doanh nghiệp còn chưa

kip thời cập nhập đầy đủ các thông tin và quy định mới về lĩnh vực BVMT.

- Quá trình thực hiện kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh tỉnh vẫn còn gặp phải một số khó khăn như: mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào tài nguyên đất đai, khoáng sản, nguồn nước, lao động để tăng quy mô sản xuất, việc phát triển theo chiều sâu, dựa vào công nghệ hiện đại còn hạn chế; biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, suy giảm chất lượng hệ sinh thái, tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của nhân dân...; Việc khuyến khích sử dụng nhiên liệu sạch, phương tiện giao thông thân thiện với môi trường đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên, nhiều khu vực miền núi, nhận thức của nhân dân còn hạn chế chưa mạnh dạn sử dụng xăng E5 để thay thế hoàn toàn các loại xăng A95 và A92.

- Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên và cơ học, đô thị hóa đòi hỏi phát triển hạ tầng mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ bao gồm du lịch trên địa bàn tỉnh đòi hỏi gia tăng về mật độ đường và mật độ phương tiện giao thông... gây áp lực lớn đến môi trường không khí.

- Việc giải quyết vấn đề ô nhiễm liên vùng, liên tỉnh của các Bộ, ngành và UBND các địa phương chưa quyết liệt, triệt để; chưa có cơ chế bên gây ô nhiễm phải chi trả kinh phí cho bên chịu ảnh hưởng bởi ô nhiễm.

2.2. Hiện trạng hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí

Giai đoạn 2016 - 2022, mạng lưới quan trắc môi trường không khí trên địa bàn tỉnh thực hiện với 53 vị trí trong đó 25 vị trí ảnh hưởng bởi giao thông; 19 vị trí ảnh hưởng bởi công nghiệp, làng nghề và 9 vị trí ảnh hưởng bởi dân cư, sinh hoạt. Các chỉ tiêu chính quan trắc bao gồm các thông số Vi khí hậu, CO, NO₂, SO₂, O₃, Bụi lơ lửng, Bụi Pb, Bụi PM10.

- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm vào tháng 6 và tháng 10 hằng năm. Phương pháp quan trắc, thiết bị quan trắc và đơn vị quan trắc là Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang đáp ứng đầy đủ các quy định của tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

Để tăng cường năng lực cảnh báo và giám sát; cập nhật liên tục cơ sở dữ liệu về hiện trạng môi trường, năm 2021, tỉnh Bắc Giang đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng 02 trạm quan trắc môi trường tự động môi trường không khí tại thành phố Bắc Giang, dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2023. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai đầu tư và chuẩn bị lắp đặt 01 trạm quan trắc không khí tự động tại tòa nhà liên cơ quan của tỉnh; thành phố Bắc Giang đang triển khai đầu tư và chuẩn bị xây dựng 03 trạm quan trắc không khí tự động. Trạm quan trắc môi trường tự động sẽ góp phần đắc lực trong công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, thực hiện các yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục, hiện nay có 10 đơn vị đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với khí thải và 01 đơn vị đang tạm dừng hoạt động với tổng số 30 trạm đầu nối truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

- Nguồn điểm: Các đối tượng thực hiện kiểm kê bao gồm các cơ sở phát thải lớn thuộc các nhóm ngành nghề theo Quyết định 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Trong phạm vi nhiệm vụ thực hiện điều tra là các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có phát sinh khí thải (qua ống khói cố định), có sử dụng nhiên liệu đốt hoạt gia nhiệt trong quá trình hoạt động. Thực hiện kiểm kê đối với 200 nguồn thải thông qua hình thức phiếu điều tra gồm các nhóm ngành nghề: Sản xuất linh kiện điện, điện tử (38 cơ sở); Sản xuất vật liệu xây dựng (24 cơ sở); Sản xuất hoá chất (06 cơ sở); Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (09 cơ sở); Sản xuất nhựa và các sản phẩm từ nhựa (16 cơ sở); Gia công cơ khí, luyện kim, các sản phẩm từ kim loại (16 cơ sở); Xử lý chất thải (27 cơ sở); Sản xuất, chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ (08 cơ sở); May mặc (32 cơ sở); Nhiệt điện (01 cơ sở); Chế biến thực phẩm (04 cơ sở); Sản xuất thức ăn chăn nuôi (05 cơ sở); Chăn nuôi (02 cơ sở); ngành nghề khác (12 cơ sở).

- Nguồn di động: Nguồn phát sinh khí thải di động chủ yếu do hoạt động của các phương tiện giao thông đường bộ. Đến hết năm 2022, tổng số ô tô trên địa bàn tỉnh có 87.692 phương tiện ô tô các loại (trong đó xe ô tô con chiếm 58,2%, xe ô tô khách chiếm 3,3%, xe ô tô tải chiếm 35,4%, các loại khác chiếm 3,3%). Đồng thời thực hiện kiểm kê số lượng phương tiện trên các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ và 06 tuyến đường nội thị chính của tỉnh Bắc Giang. Kết quả kiểm kê cho thấy tỉ lệ % xe lưu thông các tuyến đường như sau: xe máy chiếm 71,21%, 74,56% và 64,79%, xe ô tô <9 chỗ lần lượt chiếm 17,93%, 17,8% và 31,37%, xe ô tô <3,5 tấn lần lượt chiếm 6,17%, 4,11% và 3,28%, xe ô tô > 3,5 tấn lần lượt chiếm 4,68%, 3,53% và 5,5%. Như vậy có thể thấy xe máy là phương tiện lưu thông chính trên từng loại đường đối với hoạt động giao thông đường bộ tại Bắc Giang.

- Nguồn diện: Hoạt động xây dựng, hoạt động chăn nuôi, hoạt động sản xuất nông nghiệp (xử lý rơm rạ, phế phụ phẩm sau thu hoạch), bãi chôn lấp chất thải rắn...

2.4. Kiểm kê phát thải

- Nguồn điểm: Kết quả kiểm kê phát thải trên 200 cơ sở phát thải chính trên địa bàn tỉnh thuộc 14 nhóm ngành nghề đặc trưng nhằm xác định mức độ phát thải bao gồm: Hóa chất; linh kiện điện tử; may mặc; gia công cơ khí, luyện kim, các sản phẩm từ kim loại; nhiệt điện; vật liệu xây dựng; giấy và các sản phẩm từ giấy; gỗ và các sản phẩm từ gỗ; nhựa và các sản phẩm từ nhựa; xử lý chất thải; chế biến thực phẩm; thức ăn chăn nuôi; chăn nuôi và nhóm ngành nghề khác. Tổng tải lượng bụi và khí thải phát sinh ước tính: Bụi là 4.183,50 tấn/năm; SO₂ là 7.496,39 tấn/năm; NO_x (tính theo NO₂) là 3.335,17 tấn/năm; CO là 32.383,91 tấn/năm; HCl là 246,55 tấn/năm.

- Nguồn di động: Kết quả kiểm kê phát thải nguồn động được xác định trên cơ sở kiểm kê tính toán bụi và khí thải từ hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy và đường sắt do hoạt động đốt nguyên nhiên liệu. Tổng tải lượng bụi và khí thải từ hoạt động giao thông đường bộ là: 9,98 tấn SO₂/năm, 375,7 tấn

NO₂/năm, 2.934,41 tấn CO/năm; bụi PM10 là 106,28 tấn/năm; bụi PM2.5 là 106,28 tấn/năm. Tuy nhiên, do đặc thù của nguồn đường là trong quá trình di chuyển còn một lượng lớn chất ô nhiễm cuốn theo bánh xe từ mặt đường lên, theo một số công thức tính toán hiện hành trong ước tính tải lượng thải từ các hoạt động vận chuyển (AP42), lượng bụi mặt đường thường cao gấp từ 20-100 lần so với lượng bụi nhiên liệu tùy vào độ ẩm của vật liệu rơi vãi trên đường và loại đường giao thông. Lượng bụi cuốn bánh xe phương tiện đóng vai trò là nguyên nhân gây ô nhiễm bụi chính từ hoạt động giao thông. Tổng tải lượng từ hoạt động giao thông đường thủy là: 64,06 tấn NO_x/năm; 47,1 tấn SO₂/năm; 5,27 tấn CO/năm và bụi PM là 5,58 tấn/năm. Tổng tải lượng từ hoạt động giao thông đường sắt là: 2,2 tấn NO₂/năm; 0,05 tấn SO₂/năm; 0,45 tấn CO/năm; bụi PM10 là 0,06 tấn/năm; bụi PM2.5 là 0,06 tấn/năm.

- Kết quả kiểm kê phát thải nguồn diện được xác định căn cứ trên cơ sở kiểm kê đánh giá các ngành xây dựng cơ bản; chăn nuôi; trồng trọt và xử lý chất thải. Trong đó, tải lượng phát thải ngành xây dựng cơ bản là: 320,978 kg/năm; tải lượng phát thải ngành chăn nuôi là 581.728 m³ CH₄/năm; tải lượng phát thải ngành trồng trọt là 65,68 tấn SO₂/năm; 147,38 tấn NO_x/năm; 7.193,94 tấn CO/năm; bụi PM10 2.654,6 tấn/năm; bụi PM2.5 1.399,27 tấn/năm; tải lượng phát sinh ngành xử lý chất thải là 63,28 tấn/năm.

2.5. Mô hình hóa chất lượng môi trường không khí

2.5.1. Kết quả mô phỏng lan truyền ô nhiễm không khí đối với nguồn điểm

- Tính toán quá trình lan truyền và nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường không khí được thực hiện theo kịch bản cơ sở ống khói hoạt động ở 100% công suất và thời gian hoạt động liên tục để dự báo và ước lượng được mức độ tác động lớn nhất có thể xảy ra, vùng bị tác động nhiều nhất trong khu vực, phạm vi và quy mô của tác động.

- Kết quả tính toán mô phỏng lan truyền bụi TSP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cho thấy vùng nồng độ bụi TSP trung bình giờ cao nhất phân bố ở khu vực lân cận KCN Vân Trung, KCN Quang Châu, nồng độ bụi TSP dao động khoảng 70-100 µg/m³, đây là dải nồng độ cao nhất lan truyền ở diện rộng ở khu vực phía Tây Nam thành phố Bắc Giang. Một số khu vực khác như tại CCN Đồi Ngô nồng độ bụi TSP phân bố cũng khá cao, dao động trong khoảng 60-90µg/m³. Nhìn chung so với khu vực phía Tây của tỉnh Bắc Giang thì vùng phía Đông có mức độ ảnh hưởng của khói thải ít hơn nhiều, phân bố nồng độ bụi TSP trung bình giờ chủ yếu ở mức dưới 30µg/m³.

- Kết quả tính toán cũng cho thấy, nồng độ trung bình ngày lớn nhất của bụi TSP là 55µg/m³ nhưng chỉ xuất hiện tại một số nơi mang tính cục bộ, trên toàn địa bàn tỉnh nồng độ bụi TSP trung bình ngày chủ yếu dao động dưới 30µg/m³. Nồng độ trung bình năm của TSP trong suốt thời gian mô phỏng với mức cao nhất khoảng 15,8µg/m³, thấp hơn nhiều so với ngưỡng 50 µg/m³ theo QCVN 05:2023/BTNMT. Trên toàn địa bàn tỉnh, phổ biến nồng độ bụi TSP trung bình năm thấp hơn 5µg/m³.

- Kết quả chạy mô hình hóa phát tán các nguồn khí thải cũng cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm phân bố không đồng đều, biến động lớn theo không gian và thời gian do ảnh hưởng của vị trí và đặc điểm các khu vực phát thải; ô nhiễm nguồn điểm tập trung ở khu vực đô thị, khu đông dân cư, khu công nghiệp phía Tây của tỉnh, khu vực phía Đông có mức độ ảnh hưởng của khói thải công nghiệp ít hơn nhiều so với khu vực phía Tây. Trên toàn địa bàn tỉnh, phổ biến nồng độ SO_2 trung bình năm thấp hơn $5\mu\text{g}/\text{m}^3$; nồng độ NO_2 trung bình năm thấp hơn $1\mu\text{g}/\text{m}^3$, nồng độ CO trung bình năm thấp hơn $10\mu\text{g}/\text{m}^3$. Nhìn chung theo kết quả tính toán, nồng độ các khí phát thải từ hoạt động công nghiệp trên địa bàn tỉnh thấp hơn quy chuẩn cho phép hiện hành nhiều lần.

2.5.2. Kết quả mô phỏng lan truyền ô nhiễm nguồn đường

- Kết quả đánh giá mức độ tác động do khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông được xem xét thiết lập tính toán với các kịch bản phát thải thải hiện tại (năm 2023) và ước tính phát thải vào năm 2025 và 2030 trên cơ sở dự báo tăng trưởng tại địa phương.

- Kết quả tính toán dự báo nồng độ trung bình ngày lớn nhất của bụi $\text{PM}_{2.5}$ do hoạt động phát thải giao thông năm 2025 và 2030 tương ứng là $21,5\mu\text{g}/\text{m}^3$ và $35,5\mu\text{g}/\text{m}^3$.

- Kết quả tính toán dự báo nồng độ trung bình giờ lớn nhất của NO_2 , SO_2 và CO do hoạt động phát thải giao thông năm 2025 và năm 2030 tương ứng là $319\mu\text{g}/\text{m}^3$, $12,4\mu\text{g}/\text{m}^3$, $2584\mu\text{g}/\text{m}^3$ và $526\mu\text{g}/\text{m}^3$, $20,4\mu\text{g}/\text{m}^3$, $3772\mu\text{g}/\text{m}^3$.

Các thông số tính toán đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình giờ và trung bình năm) đối với giai đoạn hiện tại, năm 2025 và 2030. Riêng thông số NO_2 tính toán cho năm 2025 và 2030 vượt Quy chuẩn cho phép. Do đó, cần phải có biện pháp kiểm soát chất lượng không khí đối với nguồn giao thông, đặc biệt đối với thông số NO_2 .

3. Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí

Tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang chủ yếu do bụi TSP, bụi PM_{10} , bụi $\text{PM}_{2.5}$ các chất khí CO, SO_2 , NO_2 , CH_4 , H_2S , NH_3 và Hydrocacbon. Trong đó, nguồn điểm chiếm tỷ lệ phát sinh lớn nhất đối với khí SO_2 , CO và bụi TSP; nguồn di động chiếm tỷ lệ phát thải lớn về bụi PM_{10} , khí SO_2 , NO_x và CO, trong khi nguồn diện chiếm tỷ lệ lớn phát sinh khí CH_4 .

- Đối với nguồn điểm, ngành xử lý chất thải có lượng phát thải lớn nhất 29.232,96 tấn/năm, trong đó CO chiếm 71% tổng lượng phát thải của ngành; tiếp đến là ngành may mặc với 7.425,9 tấn/năm, trong đó CO và SO_2 chiếm 85% tổng lượng phát thải của ngành; ngành gỗ và các sản phẩm từ gỗ với 3.186,25 tấn/năm, trong đó CO và bụi chiếm 94,1% tổng lượng phát thải của ngành. Ngành có tổng lượng phát thải nhỏ nhất là ngành sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử với 217,08 tấn/năm. Từ đó có thể thấy nhiên liệu đốt góp phần lớn nhất vào phát thải. Chất thải, than và củ là loại nhiên liệu gây ô nhiễm môi trường lớn nhất.

- Nguồn di động đóng vai trò rất lớn đối với chỉ tiêu bụi PM_{10} , trong đó

lượng bụi phát sinh từ hoạt động di chuyển của các phương tiện giao thông cuốn theo vệt bánh xe, bụi từ hoạt động đốt nhiên liệu của xe chiếm tỉ trọng lớn nhất, lên tới 212,56 tấn /năm. Giá trị khí thải đóng góp từ hoạt động giao thông cũng chiếm tỉ trọng cao đối với cả 3 thông số là SO_2 , NO_x và CO với tải lượng ước tính lần lượt là 275,7 tấn/năm, 2.934,41 tấn/năm và 9,98 tấn/năm. Tải lượng CO chiếm tỉ trọng cao nhất trong tất cả các nguồn thải, chiếm tới 85,5% tổng lượng phát thải của hoạt động giao thông đường bộ.

- Đối với nguồn điện, ngành xử lý chất thải từ hoạt động chôn lấp và chăn nuôi là hai ngành có lượng phát thải CH_4 lớn nhất, ngành xây dựng có lượng phát thải bụi lớn 320,978 tấn/năm. Các hoạt động trong nông nghiệp đóng vai trò không lớn trong phát tán bụi (chủ yếu từ hoạt động đốt phế phụ phẩm, trong khi thực tế khi điều tra thì lượng đốt hiện đang rất thấp).

Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khác ảnh hưởng đến việc gia tăng ô nhiễm không khí trên địa bàn tỉnh như sau:

- Ảnh hưởng do khí tượng, thủy văn: Tỉnh Bắc Giang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa khu vực Đông Bắc với 4 mùa rõ rệt, ít xảy ra thiên tai, bão lũ, tuy nhiên những năm gần đây do chịu ảnh hưởng chung của tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết Bắc Giang đã xuất hiện một số dấu hiệu bất thường như nắng nóng kéo dài, diễn biến mưa phức tạp, kèm theo sự gia tăng của các cơn bão, gió lốc khiến các vấn đề ô nhiễm môi trường không khí cũng phức tạp hơn do phạm vi lan truyền ô nhiễm rộng và kéo dài quá trình lắng đọng và đồng hoá chất ô nhiễm trong môi trường.

- Ảnh hưởng của địa hình: Bắc Giang là thuộc vùng trung du miền núi, có độ ẩm cao, gió lớn và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình năm cũng ở mức cao nên các quá trình quang hoá thường diễn ra nhanh và mạnh làm tăng khả năng đồng hoá của môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, bên cạnh làm tăng hiệu suất của quá trình tự làm sạch của môi trường thì một số yếu tố khí tượng như độ ẩm, tốc độ gió,... cũng khiến quá trình lan truyền và lắng đọng các chất ô nhiễm trong không khí trở nên phức tạp hơn và nghiêm trọng hơn. Tại vùng đồi núi, trung du các nguồn thải thường bị cản lại khiến khí thải không phát tán ra xa mà tập trung lan truyền và lắng đọng ở các khu vực có địa hình trũng.

- Ảnh hưởng của ô nhiễm liên tỉnh: một số tỉnh xung quanh có hoạt động kinh tế - xã hội phát triển như Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, thủ đô Hà Nội cũng góp phần lan truyền các chất ô nhiễm không khí sang địa phận tỉnh Bắc Giang.

- Ngoài ra, mật độ cây xanh đô thị còn ở mức thấp nên quá trình quang hóa gắn liền với các hợp chất của Nitơ có thể trở nên nghiêm trọng ở khu vực đô thị, khu công nghiệp. Quá trình này kết hợp với hiện tượng nghịch đảo nhiệt và hiện tượng đảo nhiệt sẽ dẫn tới tình trạng ô nhiễm cục bộ.

4. Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng

Dữ liệu y tế về các bệnh liên quan đến đường hô hấp được thu thập tại Sở y tế tỉnh Bắc Giang thông qua báo cáo của các cơ sở khám, chữa bệnh tổng hợp

gửi về Sở Y tế cho thấy Tỷ lệ mắc các bệnh viêm cấp tại đường hô hấp trên (họng, amidan, thanh quản, khí quản...) cao với tổng số vào khoảng 44% số ca khám bệnh; trong khi các bệnh viêm phổi chiếm 39% các ca nhập viện điều trị. Ngoài ra viêm mũi, viêm phế quản và viêm phế quản tắc nghẽn mãn tính cũng chiếm tỷ lệ lớn (7-14% các ca khám bệnh và 2-9% các ca điều trị) tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Bên cạnh đó, tỷ lệ mắc bệnh về đường hô hấp liên quan đến trẻ em rất cao, trong đó chủ yếu là trẻ em dưới 5 tuổi (khoảng 56-69% các ca khám và từ 51-77% các ca điều trị liên quan đến viêm cấp tại đường hô hấp trên là trẻ em). Trong số đó chỉ tính riêng trẻ em dưới 5 tuổi nhập viện đã chiếm tới 78% tổng số trẻ nhập viện. Việc xác định chính xác nguyên nhân của một số bệnh lý do ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường không khí là một vấn đề hết sức phức tạp cần có nhiều thời gian và có các nghiên cứu chuyên sâu. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng có mối tương quan rất chặt chẽ giữa chất lượng môi trường không khí và sức khỏe của người dân.

5. Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

5.1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường không khí; tăng cường năng lực phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải và giám sát chất lượng không khí theo định hướng quản lý tại Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí, giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021.

5.2. Mục tiêu cụ thể

a) Chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh được phục hồi, cải thiện chỉ số chất lượng không khí (AQI) tại các trạm quan trắc ở mức tốt, đạt trên 90%.

b) Giảm phát thải các thông số TSP, PM₁₀, CO, SO₂ và NO₂ từ các nguồn thải đảm bảo 100% các điểm quan trắc không khí định kỳ có giá trị quan trắc trung bình ngày đạt QCVN.

c) Kiểm soát, duy trì chất lượng môi trường không khí đối với các thông số Bụi (TSP, PM₁₀), SO₂, CO và NO_x ở mức hiện tại đạt QCVN.

d) 100% cơ sở sản xuất thuộc đối tượng có nguồn thải lớn đang hoạt động phải hoàn thành đầu tư, lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục và kết nối truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát xong trước ngày 31/12/2024.

đ) 100% cơ sở sản xuất công nghiệp có kế hoạch kiểm soát và giải pháp xử lý khí thải; các cơ sở sản xuất mới phải hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đảm bảo theo quy định trước khi đi vào hoạt động chính thức; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng.

e) Xóa bỏ 100% xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, xe tự chế ba, bốn bánh; triển khai kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với xe mô tô, xe gắn máy có động cơ xăng tham gia giao thông, gắn trách nhiệm của người đứng đầu chính

quyền địa phương trong việc thực hiện; Đẩy nhanh phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng, ưu tiên đầu tư phát triển vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn, từng bước hạn chế phương tiện giao thông cá nhân; Tăng cường quản lý chất lượng phương tiện giao thông, kiểm soát khí thải từ các phương tiện cơ giới.

g) Đến năm 2025 giảm tỷ lệ chôn lấp rác thải sinh hoạt trực tiếp xuống dưới 10% đối với thành phố Bắc Giang và dưới 30% đối với các huyện còn lại.

h) 100% trang trại chăn nuôi có giải pháp xử lý chất thải chuồng trại; xóa bỏ hoàn toàn việc khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ không có giấy phép, 100% khu vực khai thác khoáng sản phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

5.3. Phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí

Phạm vi thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Giang. Trong đó có sự ưu tiên nguồn lực, tập trung vào một số nguồn thải chính, cụ thể như sau:

- Các khu vực đông dân cư, đô thị thuộc thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, huyện Yên Dũng, huyện Hiệp Hoà, Lạng Giang: cần ưu tiên các giải pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm từ hoạt động giao thông cơ giới đường bộ.

- Các khu vực tập trung khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tăng cường các giải pháp kiểm soát ô nhiễm tại các nhà máy, xí nghiệp có tải lượng xả thải lớn.

- Các khu vực tập trung khu chăn nuôi tại các huyện: Hiệp Hoà, Tân Yên, Yên Dũng, Lục Ngạn, Sơn Động cần tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý chất thải rắn trong chăn nuôi.

6. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm không khí

6.1. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn điểm

- Đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn thực hiện lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đặc biệt là các cơ sở có phát sinh nguồn bụi, khí thải lớn.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của toàn bộ các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải công nghiệp tự động, liên tục, yêu cầu hoàn thành việc lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 01/01/2025, dừng hoạt động xả khí thải đối với các cơ sở không tuân thủ quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có phát sinh lưu lượng khí thải lớn; áp dụng cơ chế thanh tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm; đẩy mạnh phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan thanh tra và lực lượng cảnh sát môi trường.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoạt động các nhà máy xử lý rác thải quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại trên địa bàn tỉnh, như: Nhà máy đốt rác phát điện thành phố Bắc Giang, nhà máy xử lý rác thải tập trung huyện Hiệp Hòa,

huyện Lục Nam.

- Không thu hút đầu tư, mở rộng quy mô các cơ sở thuộc nhóm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có lưu lượng khí thải phát sinh từ 100.000 m³/giờ trở lên trong khu đô thị, khu dân cư, ngoài khu/cụm công nghiệp; các dự án xử lý rác sinh hoạt bằng lò đốt có công suất dưới 5 tấn/ngày đêm.

- Thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường xen kẽ trong khu dân cư, khu đô thị vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Các cơ sở sản xuất theo công nghệ cũ, lạc hậu có phát sinh bụi, khí thải lớn phải có kế hoạch thực hiện đầu tư, đổi mới cải tiến công nghệ sản xuất và xử lý khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải nguy hại tự xử lý chất thải nguy hại trong khuôn viên cơ sở phát sinh chất thải khi đáp ứng các yêu cầu theo quy định, không được đầu tư mới lò đốt rác thải nguy hại, trừ trường hợp phù hợp với quy hoạch tỉnh Bắc Giang đã được duyệt.

- Khuyến khích các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh học trong sản xuất; đầu tư, đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý môi trường.

6.2. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn di động

- Kiểm soát phát thải khí thải định kỳ đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông; ngăn chặn, loại bỏ phương tiện hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải công cộng, phương tiện giao thông công cộng sử dụng điện; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hình thành thói quen sử dụng phương tiện giao thông công cộng của người dân.

- Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường để phát triển hệ thống vận tải hành khách theo hướng bền vững.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký, đăng kiểm xe ô tô, xe mô tô 2 bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới đảm bảo tiêu chuẩn khí thải mức 5.

- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc tại các tuyến đường đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, giảm ùn tắc tại khu vực cổng trường học và vào ngày lễ, tết.

- Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường, thúc đẩy sử dụng nhiên liệu xăng sinh học E5 cho các phương tiện giao thông; kiểm soát, ngăn chặn các vi phạm về kinh doanh xăng dầu giả, kém chất lượng.

- Tập trung bố trí nguồn lực, nâng cao chất lượng công tác đầu tư xây dựng,

nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông gắn với duy tu, bảo đảm an toàn giao thông và khai thác có hiệu quả các công trình hạ tầng giao thông.

6.3. Các nhiệm vụ và giải pháp kiểm soát nguồn diện

- Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, đảm bảo tỷ lệ đất cây xanh đô thị theo quy định để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong các đô thị và khu dân cư.

- Xóa bỏ hoàn toàn việc khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ không giấy phép, không đảm bảo quy định; yêu cầu các khu vực khai thác khoáng sản phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

- Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi, khí thải từ quá trình thi công các công trình xây dựng trong đô thị, các công trình xây dựng hạ tầng giao thông, trên tuyến đường vận chuyển vật liệu rời từ các cơ sở khai thác khoáng sản.

- Xử lý nghiêm các trường hợp đốt rác thải không đúng quy định, gây ô nhiễm môi trường; chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch; tăng cường thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích.

- Tuyên truyền, vận động, có chính sách hỗ trợ các hộ gia đình, tiến tới loại bỏ việc sử dụng bếp than tổ ong trong sinh hoạt ở các khu dân cư thành phố Bắc Giang.

- Không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án chăn nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao không có giải pháp đảm bảo về môi trường; kiểm soát chặt chẽ việc thẩm định hồ sơ môi trường, chỉ cho phép các dự án đi vào hoạt động sau khi đã được cấp giấy phép môi trường và vận hành các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các trang trại chăn nuôi có quy mô lớn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; áp dụng cơ chế hỗ trợ xử lý khí sinh học cho ngành chăn nuôi phát thải thấp.

- Dừng hoạt động các bãi chôn lấp rác thải quy mô nhỏ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh theo lộ trình được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 về việc ban hành Quy định Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; từng bước giảm thiểu xử lý rác thải sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp.

6.4. Công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng

- Xây dựng trang thông tin điện tử về chất lượng không khí tỉnh Bắc Giang và cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh; công khai thông tin về chất lượng không khí và ô nhiễm không khí hàng ngày trong các chương trình phát sóng trên Đài phát thanh và truyền hình Bắc Giang.

- Thực hiện các kế hoạch truyền thông nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí tại các trường học, đặc biệt là các trường tiểu học, trung học, dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc sử dụng nhiên liệu xanh, sạch cho phương tiện giao thông cơ giới, cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh; thay đổi thói quen tham gia giao thông, tăng cường sử dụng phương tiện công cộng và giảm phương tiện cá nhân.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng, trình độ cho nhân lực từ cấp tỉnh đến cấp xã về công tác quản lý chất lượng môi trường không khí.

6.5. Ban hành cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật

- Tiếp tục xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiên liệu sạch, áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất giảm thiểu phát thải.

- Xây dựng và ban hành quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại.

- Nghiên cứu ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải trên địa bàn tỉnh khi chất lượng môi trường xung quanh không đảm bảo duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mức hỗ trợ lãi suất vay đầu tư phương tiện xe buýt phù hợp có thể thu hút được các doanh nghiệp đầu tư phương tiện mới.

- Có chính sách khuyến khích đầu tư công nghệ mới trong lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng. Đầu tư sản xuất lớn với quy mô công nghệ để từng bước loại bỏ tình trạng khai thác, chế biến thủ công nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ cảnh quan môi trường.

6.6. Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm môi trường không khí

- Tăng cường công tác quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh, đồng bộ kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ được duyệt, tiến tới số hóa dữ liệu quan trắc và nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí xung quanh; đầu tư bổ sung mới 13 trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn tỉnh gắn với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, gắn với quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia và đáp ứng các yêu cầu về quản lý, kiểm soát, nâng cao chất lượng môi trường không khí.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống giám sát và cảnh báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh, để phát hiện và có biện pháp ứng phó kịp thời; giảm thiểu số vụ cháy rừng và thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát

thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp về quản lý chất lượng môi trường không khí liên vùng, liên tỉnh.

6.7. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa và huy động sự tham gia của cộng đồng

- Tăng cường nguồn ngân sách cho các cơ quan quản lý nhà nước để đầu tư trang thiết bị quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ, quản lý cơ sở dữ liệu về khí thải và chất lượng môi trường không khí, các công cụ tính toán chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI), mô hình dự báo chất lượng không khí.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế (tài chính, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ,...) thông qua hợp tác song phương và đa phương cho quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Tăng cường nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm với tổ chức trong nước và quốc tế, các chuyên gia quản lý, bảo vệ môi trường không khí.

- Khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong các ngành công nghiệp nhằm giảm thiểu phát sinh khí thải; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ về phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý, quan trắc khí thải, sử dụng hiệu quả nhiên liệu.

- Tăng cường triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang theo Quyết định 1026/QĐ-UBND ngày 15/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang theo hướng đẩy mạnh phát triển và hỗ trợ đầu tư các dự án phát điện từ nguồn nguyên liệu sinh khối; ưu đãi và hỗ trợ đầu tư các trạm phát điện tại chỗ, điện áp mái sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

- Triển khai các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ, áp dụng sản xuất sạch hơn để giảm thiểu phát thải khí thải.

- Thực thi có hiệu quả một số chính sách ưu đãi đầu tư cho các dự án về môi trường, như bảo lãnh vay vốn tín dụng của các ngân hàng nước ngoài; ưu tiên khai thác các nguồn vốn ODA từ các chính phủ và các tổ chức quốc tế; vay vốn với lãi suất ưu đãi từ các quỹ hỗ trợ phát triển của Nhà nước và các quỹ môi trường; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh tham gia đầu tư xử lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Lộ trình thực hiện

Lộ trình thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2030 được ưu tiên từ các nguồn ngân sách, hợp tác, xã hội hóa... (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

7.2. Tổ chức thực hiện

7.2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chuẩn địa phương, các quy định về quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh theo hướng phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống quan trắc không khí tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh; thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch đề từng bước đầu tư nâng cấp hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 40, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; thực hiện công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí và cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu quan trắc trên địa bàn tỉnh.

- Thanh tra, kiểm tra liên tục đối với các cơ sở có lưu lượng khí thải phát sinh từ 50.000 m³/giờ trở lên; cơ sở sử dụng nhiên liệu đốt là phế liệu; các trang trại chăn nuôi quy mô lớn; các nhà máy sản xuất sản xuất vật liệu xây dựng, gỗ và sản phẩm từ gỗ, xử lý nghiêm, yêu cầu dừng, chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở phát sinh khí thải vượt quy chuẩn, tái phạm nhiều lần.

- Rà soát, phân loại, lập danh mục các cơ sở thuộc Phụ lục II Nghị định 08/2022/NĐ-CP có công suất xả khí thải lớn, tại các khu vực/vị trí nhạy cảm về môi trường để thực hiện các biện pháp kiểm soát đặc thù; xác định các cơ sở sản xuất đang hoạt động thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục, xác định lộ trình hoàn thành trước ngày 01/01/2025.

- Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

- Triển khai thực hiện đánh giá hiệu quả thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí vào năm thứ 3 sau khi được ban hành và năm cuối cùng thực hiện kế hoạch, để xây dựng, điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

- Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 17/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2020 - 2025; phối hợp với UBND các huyện, thành phố kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, hạn chế chôn lấp trực tiếp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản của UBND cấp huyện, cấp xã; việc chấp hành pháp luật khoáng

sản đổi với các tổ chức, doanh nghiệp và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các tỉnh giáp ranh, cơ quan trung ương trong việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường liên vùng, liên tỉnh.

7.2.2. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

- Tăng cường giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các Khu công nghiệp có nguồn phát sinh khí thải lớn trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh không tiếp nhận thêm dự án mới có ngành nghề không thuộc danh mục ngành nghề được phép thu hút đầu tư hoặc các dự án xây dựng khu công nghiệp không đáp ứng yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/202/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền phải đảm bảo tiêu chí về diện tích cây xanh theo quy định.

7.2.3. Sở Công thương

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 177/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007; đảm bảo kiểm soát chặt chẽ chất lượng nhiên liệu diesel và xăng.

- Tham mưu UBND tỉnh thu hút các dự án sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ xử lý khí thải tiên tiến; ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ nhiên liệu sinh học trong sản xuất.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về cải thiện hành vi sử dụng điện, năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mô hình quản lý năng lượng.

7.2.4. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đảm bảo tiêu chí về diện tích cây xanh, mặt nước trong đô thị.

- Phối hợp với cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan nghiên cứu công nghệ và các giải pháp thu hút đầu tư các dự án sản xuất vật liệu mới; sử dụng tro, xỉ, thạch cao làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng, cơ sở sản xuất, kinh doanh

vật liệu xây dựng; việc đổ thải, xử lý chất thải xây dựng.

7.2.5. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thực hiện kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; áp dụng tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu theo Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị; quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; bước đầu định hướng phát triển quy hoạch hạ tầng giao thông đối với xe điện trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; nâng cao chất lượng dịch vụ sử dụng xe buýt, giảm mức giá vé thu hút người dân sử dụng.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng xăng sinh học.

- Tổ chức rà soát, đánh giá, đề xuất đầu tư sửa chữa, cải tạo hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt là các vị trí có biểu hiện ô nhiễm môi trường do hoạt động giao thông vận tải; tiếp tục tham mưu áp dụng các biện pháp để giám sát, cải thiện tình trạng tắc nghẽn giao thông.

7.2.6. Sở Y tế

- Phối hợp, thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe cộng đồng; tuyên truyền phổ biến các hướng dẫn và cảnh báo các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí, đưa ra các khuyến cáo để người dân ứng phó khi gặp tình trạng ô nhiễm không khí.

- Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động đốt chất thải y tế của các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

7.2.7. Sở Khoa học Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thực hiện việc thẩm định công nghệ sản xuất của các dự án phát thải khí thải lớn phải thẩm định công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải, tiết kiệm nhiên liệu; ưu tiên đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí.

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới

công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất, nâng cao năng lực, trình độ công nghệ quản trị; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001.

7.2.8. Sở Tài chính

Cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác cho các nhiệm vụ theo lộ trình của Kế hoạch.

7.2.9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh các cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác.

- Chủ trì, phối với Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan liên quan lựa chọn thu hút đầu tư các dự án sử dụng công nghệ sạch, hiện đại, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm thiểu phát thải khí thải ra môi trường.

7.2.10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp theo hướng chuyển đổi thành sản phẩm có ích, tiến tới chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp sau mỗi vụ thu hoạch trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chỉ đạo các chủ rừng thực hiện hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, phục hồi rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các chủ trang trại, gia trại trong việc bảo vệ môi trường chăn nuôi; hướng dẫn kỹ thuật xử lý chất thải trong chăn nuôi, ứng dụng mô hình sử dụng khí sinh học phát điện trong chăn nuôi.

7.2.11. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, các văn phòng đại diện báo chí; hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền về các quy định về quản lý chất lượng môi trường không khí, công khai thông tin chất lượng môi trường không khí xung quanh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch truyền thông, phổ biến thông tin cho cộng đồng về ô nhiễm không khí và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

7.2.12. Công an Tỉnh

- Tăng cường công tác đấu tranh phòng chống các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, thu hồi xe cơ giới hết niên hạn sử dụng, không đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông hợp lý để hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông trong nội thị, đặc biệt là tại các công trường học, khu công nghiệp; tăng cường kiểm soát tải trọng xe vận tải.

7.2.13. Sở Ngoại vụ

Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ của quốc tế trong việc quản lý chất lượng môi trường không khí, tăng cường nghiên cứu, học tập trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức trong nước và quốc tế, chuyên gia quản lý bảo vệ môi trường không khí.

7.2.14. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh, bố trí nhân lực, nguồn lực phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố trong việc triển khai các chương trình tập huấn, đào tạo ngoại khóa nhằm nâng cao hiểu biết của học sinh, sinh viên với công tác bảo vệ môi trường.

7.2.15. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường không khí, quản lý chất lượng môi trường không khí tại các dự án trên địa bàn và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra sự cố môi trường không khí nghiêm trọng trên địa bàn quản lý.

- Ban hành kế hoạch và lộ trình chấm dứt tình trạng đốt rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp, xử lý thực bì sau mỗi vụ thu hoạch, đảm bảo tỷ lệ thu gom, xử lý, chế biến rơm rạ, phụ phẩm nông lâm nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích đạt 100%.

- UBND thành phố Bắc Giang và các huyện Lục Nam, Hiệp Hòa đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đưa vào hoạt động nhà máy xử lý rác thải tập trung.

- UBND thành phố Bắc Giang rà soát và xây dựng lộ trình chấm dứt hoạt động sử dụng bếp than tổ ong trong sinh hoạt, kinh doanh trong khu dân cư tại thành phố Bắc Giang.

- Tổ chức và duy trì thường xuyên hoạt động phun nước rửa đường tại các trục, tuyến giao thông chính của các khu vực nội thị, khu vực đông dân cư để hạn chế bụi phát tán, đặc biệt trong điều kiện thời tiết hanh khô, lặng gió.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý cơ sở, hoạt động gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức về ô nhiễm không khí đến cộng đồng dân cư, đặc biệt là các trường tiểu học, trung học, dần hình thành ý thức, thói quen trong cộng đồng.

7.2.16. Mặt Trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, chính quyền các cấp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân nâng

cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường; kiến thức về bảo vệ môi trường không khí tại các khu dân cư và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; tích cực tham gia giám sát, theo dõi, phát hiện và báo tin về các hành vi gây ô nhiễm không khí trong các hoạt động sản xuất, trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn.

7.3. Cơ chế về báo cáo, giám sát, phối hợp, chia sẻ, công khai, trao đổi, cung cấp thông tin về chất lượng môi trường không khí

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bắc Giang, giai đoạn đến năm 2030; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về UBND tỉnh trước ngày 31/12 hàng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, xây dựng và triển khai Kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo làm cơ sở đề xuất kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Các sở, ban ngành liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7.4. Nguồn lực thực hiện

- Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và các nguồn huy động hợp pháp khác.

PHỤ LỤC

Lộ trình thực hiện các chương trình/dự án

(Ban hành kèm theo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030)

TT	Nội dung chương trình/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm	Cơ quan phê duyệt	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Xây dựng, hoàn thiện văn bản hướng dẫn, quy định quản lý chất lượng môi trường không khí						
1.1	Xây dựng và ban hành quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa; giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024	Quy định	UBND tỉnh	1.500
1.2	Xây dựng và ban hành quy định tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2025	Quy định	UBND tỉnh	1.500
1.3	Nghiên cứu ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải trên địa bàn tỉnh khi chất lượng môi trường xung quanh không đảm bảo duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024-2030	Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	UBND tỉnh	2.000
2	Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm môi trường không khí						
2.1	Đầu tư bổ sung mới 13 trạm quan trắc không khí tự động trên địa bàn tỉnh gắn với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các	Năm 2024-2030	Hệ thống quan trắc không khí	UBND tỉnh phê duyệt chủ trương; Sở TN&MT	45.000

TT	Nội dung chương trình/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm	Cơ quan phê duyệt	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
		trường	địa phương		tự động	nghiệm thu, sử dụng	
2.2	Xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024	Hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh	UBND tỉnh phê duyệt chủ trương; Sở TN&MT nghiệm thu, sử dụng	7.200
2.3	Duy trì vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động liên tục trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024	Trạm quan trắc môi trường tự động liên tục	UBND tỉnh phê duyệt chủ trương; Sở TN&MT nghiệm thu, sử dụng	3.000
2.4	Thực hiện điều tra, khảo sát, thống kê số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024-20230	Số liệu kiểm kê	UBND tỉnh phê duyệt chủ trương; Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu	3.000
2.5	Đầu tư lắp đặt hệ thống giám sát và cảnh báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024-2030	Hệ thống	UBND tỉnh phê duyệt chủ trương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu, sử dụng	2.000

TT	Nội dung chương trình/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Sản phẩm	Cơ quan phê duyệt	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
3	Chấm dứt các hoạt động gây ô nhiễm môi trường không khí						
3.1	Kiểm định khí thải đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đảm bảo các phương tiện tham gia giao thông đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Sở Giao thông vận tải	Các chủ phương tiện, các đơn vị liên quan, UBND các địa phương	Năm 2024-2030	-	Sở Giao thông vận tải	500
3.2	Xây dựng lộ trình chấm dứt sử dụng bếp than tổ ong trong sinh hoạt, kinh doanh trong khu dân cư ở thành phố Bắc Giang.	UBND TP Bắc Giang	UBND các xã, phường trực thuộc	Năm 2024-2025	Lộ trình chấm dứt hoạt động sử dụng bếp than tổ ong	UBND TP Bắc Giang	1.000
3.3	Xây dựng quy định, hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch đảm bảo xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2024-2026	Quy định, hướng dẫn	UBND tỉnh	1.000
4	Tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm						
4.1	Tổ chức rà soát, đôn đốc các cơ sở sản xuất đang hoạt động thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Năm 2024	Kế hoạch	Sở Tài nguyên và Môi trường	500
5	Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý môi trường không khí						
5.1	Tổ chức hội thảo, tập huấn lồng ghép các quy định	Sở Tài	Các Sở, ban,	Năm	Hội thảo	Sở Tài nguyên và	500

